

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025.

V/v tranh chấp về ly hôn của nam,
nữ sống chung với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn,
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài

2. Bà Võ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Trung H, sinh năm: 1970 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Kim D, sinh năm: 1971 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025, các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử;

- Nguyên đơn anh Huỳnh Trung H trình bày: Về hôn nhân anh H và chị D xác lập mối quan hệ vợ chồng vào năm 1997, trên cơ sở mai mối, không có đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 12/1997. Về con chung cháu Huỳnh Phước T, sinh ngày 22/02/1998,

đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh H yêu cầu ly hôn với chị D, con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Phạm Thị Kim D trình bày:* Thống nhất lời trình bày của anh H về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung nêu trên. Nay chị D thống nhất ly hôn với anh H, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về pháp luật tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Phạm Thị Kim D, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Anh H và chị D không có đăng ký kết hôn, nay anh H yêu cầu ly hôn với chị D, nên phát sinh tranh chấp về ly hôn của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3.] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp về hôn nhân, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[1.4.] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh H và chị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị D là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

[2.1.] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H và chị D là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định, nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Trong thời gian chung sống giữa anh H và chị D phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp và đã ly thân từ tháng 12/1997 đến nay đã gần 28 năm. Do anh H và chị D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ

vợ chồng giữa anh H và chị D là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Phước T, sinh ngày 22/02/1998, đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4.] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn chị D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Trung H và chị Phạm Thị Kim D.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Huỳnh Trung H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006914 ngày 15/4/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, anh H không phải nộp thêm.

Bị đơn chị Phạm Thị Kim D không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành

án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS ND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT Tòa án;
- UBND thị trấn Thanh Bình;
- Lưu: VT/, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ